CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 12/CPTPV/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY**

Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84.28) 3899 7156 – (84.28) 3899 0603 Hotline: 1900232353

Email: contact@phuongvycoffee.com

Mã số doanh nghiệp: 0310553942

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 4063/2025/SATTP-HCM

Ngày Cấp: 02/12/2025

Nơi cấp: Sở an toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: ĐẬU NÀNH RANG XAY 3

2. Thành phần: Đậu nành (90%), chất tạo màu tự nhiên (150a), dầu bơ thay thế, chất tạo màu tổng hợp (150c, 150d), hương liệu tổng hợp, dextrose, muối.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 500 g, 1 kg, 5 kg, 15 kg, 35 kg, 40 kg hoặc theo yêu cầu khách hàng và được ghi rõ trên nhãn hàng hóa.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì màng ghép phức hợp, có lớp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa PE hoặc bao bì PE có lớp bao giấy, bao cước hoặc thùng carton bên ngoài. Bao bì tiếp xúc với sản phẩm đạt yêu cầu vật liệu bao bì chứa đựng thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:

Chi nhánh Công ty TNHH Cà phê Trà Phương Vy

Địa chỉ: Số 12, VSIP II-A, đường số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Cơ sở sản xuất đã được cấp giấy chứng nhận Hệ thống An toàn thực phẩm FSSC 22000 số VN014220 - 1 cấp ngày 11/11/2025 bởi BUREAU VERITAS VIETNAM

Tên và địa chỉ cơ sở đóng gói sản phẩm:

Công ty TNHH cà phê trà Phương Vy.

Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: 8-1:2011/BYT Đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: 8-2:2011/BYT Đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất: *Theo phụ lục bảng thông tin chi tiết sản phẩm đính kèm*

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY

Trương Thị Mai Phương

Trưởng phòng nghiên cứu & phát triển

PHỤ LỤC

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM

Phương Vy Đam mê cà phê Việt	**NHÓM SẢN PHẨM: ĐẬU NÀNH**	SỐ TCB: 12/CPTPV/2026
CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY	**ĐẬU NÀNH RANG XAY 3**	*Có hiệu lực kể từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố và/ hoặc thủ tục thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền*

1. **Chỉ tiêu cảm quan.**
   - Màu sắc: Màu nâu đặc trưng của sản phẩm
   - Mùi: Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
   - Vị: Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ
   - Trạng thái: Dạng bột.
2. **Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu.**

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Độ ẩm	% khối lượng	≤ 5

3. **Chỉ tiêu kim loại nặng:** *Phù hợp với QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm*

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/ kg	≤ 0,1
2	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/ kg	≤ 0,2

4. **Chỉ tiêu độc tố vi nấm:** *Phù hợp với QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm*

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/ kg	≤ 5
2	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/ kg	≤ 2
3	Hàm lượng Aflatoxin tổng (B1B2G1G2)	µg/ kg	≤ 4

4	Hàm lượng Deoxynivalenol	µg/ kg	≤ 750
5	Hàm lương Zearalenone	µg/ kg	≤ 75

5. Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ TRÊN NHÃN	KHOẢNG GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG
1	Năng lượng	Kcal/ 100 g	360	256 - 464
2	Chất đạm	g/ 100 g	40,7	28,9 – 52,5
3	Carbohydrat	g/ 100 g	1,67	1,19 – 2,15
4	Đường tổng số	g/ 100 g	1,37	0,97 – 1,77
5	Chất béo	g/ 100 g	21,2	15,1 – 27,3
6	Natri	mg/ 100 g	199	141 - 257

Tp Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0310553942 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trương Thị Mai Phương

Trưởng phòng nghiên cứu & phát triển

THÔNG TIN GHI NHÃN SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: ĐẬU NÀNH RANG XAY 3
Khối lượng tịnh: … kg
Thành phần: Đậu nành (90%), chất tạo màu tự nhiên (150a), dầu bơ thay thế, chất tạo màu tổng hợp (150c, 150d), hương liệu tổng hợp, dextrose, muối.
Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong chế biến cà phê.
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Giữ kín miệng túi sau khi mở.
Thông tin cảnh báo: Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.
Giá trị dinh dưỡng trung bình: Trong 100 g
Năng lượng: 360 kcal; Chất đạm: 40,7 g; Carbohydrat: 1,67 g; Đường tổng số: 1,37 g;
Chất béo: 21,2 g; Natri: 199 mg.
Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY
Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Sản xuất tại Việt Nam
Tên mã hàng:
Mã hàng:
Số lô:
NSX:
HSD:



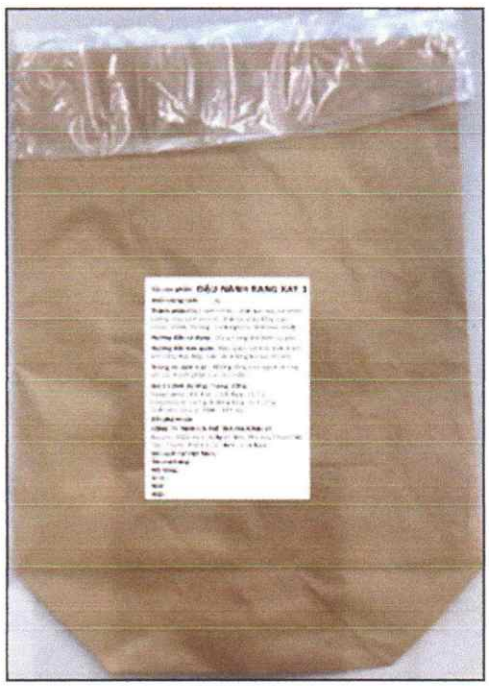

Hình ảnh chỉ mang tính minh họa cho bao bì sản phẩm

MNAQ Vietnam Company Limited
Lot #H2 40-42, Bui Quang Trinh Street, Phu An Residence Area, Hung Phu Ward, Can Tho City | Viet Nam

VILAS 1380

TEST REPORT
BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Report No./ *Số báo cáo*: **26-186216** Revision: 00

Company/ *Công ty:* **PHUONG VY COFFEE TEA COMPANY LIMITED**
CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY
BRANCH OF PHUONG VY COFFEE TEA COMPANY LIMITED
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY

Address/ *Địa chỉ:* Head Office: 432A Xo Viet Nghe Tinh Street, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Văn Phòng: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Branch: No.12, VSIP II-A, Street No. 15, Vietnam Singapore Industrial Park II-A, Vinh Tan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Chi Nhánh: Số 12, VSIP II-A, Đường Số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Report Issued: 03-Jul-2026	MNAQ Reference: 26-186216	Sample(s) Received: 30-Jun-2026
Ngày phát hành báo cáo	*Tham chiếu MNAQ*	*Ngày nhận mẫu*

Testing Period/ *Thời gian phân tích*: 30-Jun-2026 to 03-Jul-2026

Results - *Kết quả*

The testing results are valid on the sample(s) as received/ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nhận được.*

Customer Sample Name/ *Tên mẫu*: **Đậu nành rang xay 3** Lab ID: 26-186216-1

Sample Description/ *Mô tả mẫu:* Sample in aluminum bag/ *Mẫu đựng trong túi nhôm*
Sample Condition/ *Tình trạng mẫu:* Acceptable/ *Chấp nhận*

Test ***Chỉ tiêu***	**Result** ***Kết quả***	**Unit** ***Đơn vị***	**Method** ***Phương pháp phân tích***
Deoxynivalenol (DON)	Not Detected/*Không phát hiện* (LOD=30)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-025: 2024 (Ref. BS EN 15891:2010)
Ochratoxin A	Not Detected/*Không phát hiện* (LOD=0.1)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-010: 2024 (Ref. AOAC 2004.10)
Zearalenone (ZEN)	Not Detected/*Không phát hiện* (LOD=5.0)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-026:2024 (Ref. TCVN 9591:2013; ISO 17372:2008/Amd 1: 2013)
Độ ẩm/ Moisture	1.31	%	FLAB-FC-MTHD-014:2023 (Ref. AOAC 950.46)
Aflatoxin B1	Not Detected/*Không phát hiện* (LOD=0.2)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-009: 2024 (Ref. AOAC 999.07)
Aflatoxin tổng số/ Total of Aflatoxin content	Not Detected/*Không phát hiện* (LOD=0.2)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-009: 2024 (Ref. AOAC 999.07)
Chì/ Lead (Pb)	0.026	mg/kg	AOAC 2013.06
Cadimi/ Cadmium (Cd)	0.018	mg/kg	AOAC 2013.06

LOD/ *GHPH*: Limit of Detection/ *Giới hạn phát hiện*
LOQ/ *GHĐL*: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
ND/ *KPH*: Not Detected/ *Không phát hiện*
[1] Subcontracted test/ *Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
* ISO 17025 not accredited/ *Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO 17025*
Information provided by clients:company, address, samples names/ *Thông tin do khách hàng cung cấp: công ty, địa chỉ, tên mẫu*

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without prior written permission of the MNAQ company/ *Không được trích sao một phần báo cáo thử nghiệm này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty MNAQ.*
If there are questions or concerns on this report, please contact:
Khi khách hàng cần thêm thông tin về kết quả, xin vui lòng liên hệ:
Customer Service/ *Bộ phận chăm sóc khách hàng:*
Tel: (84-292) 3.888.678 - 3.734.476
Email: customerservices_vietnam@mxnsaq.com

Report No./ *Số báo cáo:* 26-186216

Photo of the submitted sample (if any)/ *Hình ảnh mẫu phân tích (nếu có)*

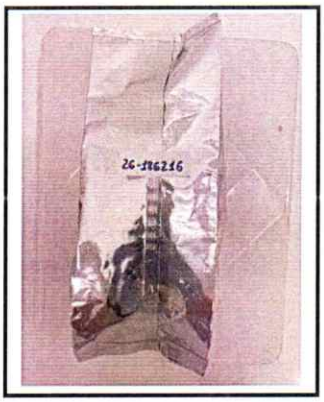

Remark/ *Ghi chú:* Nil/ *Không*

GENERAL DIRECTOR
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MNAQ VIỆT NAM

NGUYỄN HIỆP

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY
432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY
432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa chỉ chi nhánh: Số 12, VSIP II-A, đường số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : N6IK2606290610

Mã số mẫu : 743-2026-00167985

Mã số EoI : 005-32410-826774
Tên mẫu / Tên sản phẩm : Đậu nành rang xay 3
Mô tả mẫu : Mẫu đựng trong túi nhôm
Ngày nhận mẫu : 29/06/2026 **Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :** 10/07/2026
Thời gian kiểm nghiệm : 02/07/2026 - 11/07/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VDYL7 VD (a) **Chất béo**	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498	**21.2**
2	VDS54 VD (a) **Chất đạm**	g/ 100 g	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	**40.7**
3	VD4P0 VD (a) **Đường tổng**	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	**1.37**
4	VD4P0 VD (a) **Fructose**	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	**Phát hiện vết(<0.5)**
5	VD4P0 VD (a) **Glucose**	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	**0.73**
6	VD4P0 VD (a) **Lactose**	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	**Không phát hiện (LOD=0.15)**
7	VD4P0 VD (a) **Maltose**	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	**Không phát hiện (LOD=0.15)**
8	VD4P0 VD (a) **Sucrose**	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	**Phát hiện vết(<0.5)**
9	VD9T0 VD (m) **Năng lượng (không bao gồm xơ)**	kcal/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	**360**
10	VD6ZP VD (n) **Natri (Na)**	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-41932 (Ref. AOAC 2011.14)	**199**
11	VDGE4 VD (a) **Carbohydrat không bao gồm chất xơ**	g/ 100 g	AOAC 2020.07	**1.67**

Phát hiện vết: kết quả ≥ LOD và < LOQ.
LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

M.S.D.N:0311526885-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 13/07/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 13/07/2026.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-việt-nam/eurofins-sắc-ký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.
(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500. (n): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238 và VLAT-1.1500.

Bảng thành phần dinh dưỡng (Thị trường Việt Nam)/ Nutrition Label (Vietnamese market)
Mã số mẫu / Sample code Nr .: 743-2026-00167985
Mã số kết quả / Analytical Report Nr. : AR-26-VD-177214-01 / EUVNHC-00443427

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng	**360**	**kcal**	**18%**
Chất đạm	**40.7**	**g**	**81%**
Carbohydrat	**1.67**	**g**	**1%**
Đường tổng số	**1.37**	**g**	
Chất béo	**21.2**	**g**	**38%**
Natri	**199**	**mg**	**10%**
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g hoặc 100 ml thực phẩm.			

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./ Test results are valid only for test sample.The nutrition facts form is reference only. The customer should update it and comply with regulation currently.